

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST
Ngày: 20 - 9 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2024/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Nay là Ngân hàng T5 (L); địa chỉ: Tòa nhà L, số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Tổng giám đốc L1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hòa Quang T1 – Cán bộ xử lý nợ; địa chỉ: Số B T, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 15/3/2024). Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm H (xã H cũ), thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Thế H1, sinh năm 2003; địa chỉ: Xóm H (xã H cũ), thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định; Vắng mặt.

2. Anh Trần Văn H2, sinh ngày 17/6/2006; địa chỉ: Xóm H (xã H cũ), thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định; Vắng mặt.

3. Chị Trần Thị Thu T2, sinh ngày 28/7/2011; địa chỉ: Xóm H (xã H cũ), thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định; Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của chị T2: Ông Trần Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm H (xã H cũ), thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định.(bố đẻ). Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm B (xã H cũ), thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP T5 (gọi tắt là Ngân hàng) đã cấp tín dụng cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị T3 theo hợp đồng tín dụng số HDTD84B202300057 và Khế ước nhận nợ số 84B202300057/001 cùng ngày 01/3/2023. Nội dung: Ngân hàng TMCP T5 đồng ý cho ông H, bà T3 vay số tiền 1.380.000.000 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng); thời hạn vay là 08 tháng kể từ ngày 01/3/2023 đến ngày 01/11/2023; lãi suất 12%/năm cố định trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả theo quy định của Ngân hàng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua bán hải sản.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông H, bà T3 có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC84B202100106 ngày 06/7/2021 và phụ lục Hợp đồng thế chấp số PL02-HDTC84B202100106 ngày 28/02/2023, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 837726 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 03/6/2021 đứng tên ông Trần Văn H, thửa 110, tờ bản đồ số 05, tổng diện tích 581m². Tài sản gắn liền với đất hiện chưa được đăng ký quyền sở hữu bao gồm: 01 nhà BTCT 02 tầng, diện tích xây dựng 120m², tổng diện tích sàn 220m². Theo đó, ông H, bà T3 cam kết, trường hợp đến hạn ông H, bà T3 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu đòi nợ và xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 01/3/2024, ký hợp đồng tín dụng thì ngày 05/3/2023 bà T3 chết. Sau khi bà T3 chết, ông H vẫn thực hiện hợp đồng và trả lãi theo thỏa thuận hàng tháng cho đến hết ngày 29/9/2023 thì không trả lãi cho Ngân hàng nữa. Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 11/11/2023 và đã đôn đốc ông H trả gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng không có kết quả. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc ông Trần Văn H và những người ở hàng thừa kế thứ nhất của bà T3 gồm: Bà Nguyễn Thị N, anh Trần Thế H1, anh Trần Văn H2, chị Trần Thị Thu T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP T5 số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20/9/2024) là 1.614.417.824 đồng gồm tiền gốc 1.380.000.000 đồng, lãi phạt gốc

220.497.493 đồng, lãi quá hạn 12.785.407 đồng, phạt chậm trả lãi 1.134.924 đồng.

2. Trường hợp khi bản án của Tòa án có hiệu lực, ông H và những người thừa kế thứ nhất của bà T3 không trả hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đối với tài sản đã thế chấp gồm: Nhà, công trình xây dựng và Quyền sử dụng thổ đất tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 5 xã H (nay là thị trấn C) diện tích 581m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Trần Văn H.

3. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản không đủ thanh toán nợ, buộc ông H và những người thuộc hàng thừa kế tài sản của bà T3 phải tiếp tục thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Bị đơn ông Trần Văn H và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà T3 gồm: Anh Trần Thế H1, anh Trần Văn H2, chị Trần Thị Thu T2 đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về thời gian Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để đưa ra ý kiến và nộp các tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T4, chồng bà là ông Nguyễn Văn H3 đã chết ngày 01/5/2009. Khi còn sống vợ chồng bà T4, ông H có vay của Ngân hàng N1 bản thân bà không biết. Nay bà T4 đã chết, ông H không trả được gốc và lãi cho Ngân hàng, bà đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 9, Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; buộc ông Trần Văn H và người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bị đơn phải trả gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 20/9/2024 là 1.614.417.824 đồng gồm tiền gốc 1.380.000.000 đồng, lãi phạt gốc 220.497.493 đồng, lãi quá hạn 12.785.407 đồng, phạt chậm trả lãi 1.134.924 đồng.

Bị đơn và những người thừa kế của bà T4 phải nộp toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là gồm: Anh Trần Thế H1, anh Trần Văn H2, chị Trần Thị Thu T2 vắng mặt tại phiên tòa lần 2, không có lý do. Bà Nguyễn Thị N có yêu cầu xin được vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về pháp luật áp dụng và thẩm quyền: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết K Hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng để bổ sung vốn kinh doanh mua bán hải sản, ông H, bà T4 có giấy phép kinh doanh nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

[3] Về việc ký hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào lời khai của Nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì Ngân hàng L và ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị T3 đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD84B202300057 và Khế ước nhận nợ số 84B202300057/001 cùng ngày 01/3/2023 với số tiền vay là 1.380.000.000đ (Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng). Xét việc các bên tham gia ký kết hợp đồng đều tự nguyện; hình thức và nội dung phù hợp quy định của pháp luật nên hợp đồng có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của nguyên đơn: Đại diện Ngân hàng TMCP T5 trình bày sau khi Ngân hàng và ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Tuyết K Hợp đồng tín dụng số HDTD84B202300057 và Khế ước nhận nợ số 84B202300057/001 cùng ngày 01/3/2023, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông H, bà T3 số tiền là 1.380.000.000đ (Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng). Sau khi bà Nguyễn Thị Tuyết C, ông H vẫn tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng đến hết ngày 29/9/2023 thì không trả lãi nữa. Do đôn đốc nhiều lần không trả lãi nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 11/11/2023. Tính đến ngày xét xử 20/9/2024 còn nợ là 1.614.417.824 đồng gồm tiền gốc 1.380.000.000 đồng, lãi phạt gốc 220.497.493 đồng, lãi quá hạn 12.785.407 đồng, phạt chậm trả lãi 1.134.924 đồng. Bị đơn ông Trần Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Trần Thế H1, anh Trần Văn H2, chị Trần Thị Thu T2 đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến về nội dung Ngân hàng khởi kiện. Như vậy, đến nay ông H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T3 gồm: Nà Nhũ, anh H1, anh H2, chị T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu trả nợ với số tiền như trên là có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về xác định nghĩa vụ đảm bảo cho khoản tiền vay: Căn cứ vào Hợp đồng

thế chấp tài sản số HDTC 84B202100106 ngày 06/7/2021 và Phụ lục hợp đồng số PL02-HDTC84B202100106 ngày 28/02/2023 thì toàn bộ tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích 581m² tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 5 xã H (nay là thị trấn C) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên riêng ông Trần Văn H. Tại Hợp đồng thế chấp ông Trần Văn H ký với Ngân hàng có cam kết dùng tài sản thế chấp để thực hiện thay toàn bộ nghĩa vụ trả gốc, lãi cho Ngân hàng. Mặt khác, trong hồ sơ vay vốn, bà Nguyễn Thị T3 cũng có Văn bản cam kết về tài sản ngày 06/7/2021 có nội dung “*Tài sản nêu trên do chồng tôi Trần Văn H nhận chuyển nhượng (mua) hoàn toàn bằng tiền riêng, tôi không có bất cứ sự đóng góp nào đối với việc mua tài sản nêu trên*”. Do vậy, trong trường hợp bà Nguyễn Thị T3 không có di sản để lại thì cần buộc ông Trần Văn H phải lấy toàn bộ tài sản đảm bảo đã thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng.

[6] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 110, tờ bản đồ số 5, diện tích 581m² trong đó (85m² đất ở, 440m² đất vườn, 56m² đất ao nuôi cá) có vị trí tại xóm H (xã H cũ), nay là thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định đứng tên ông Trần Văn H. Xét thấy, hợp đồng thế chấp tài sản trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/8/2024 đã xác định nhà đất thế chấp trên không có thay đổi gì so với thời điểm thế chấp. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc cho xử lý tài sản thế chấp này trong trường hợp ông Trần Văn H không trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị N do là người cao tuổi, miễn án phí cho chị Trần Thị Thu T2 do là trẻ em được quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Phần án phí mà những người thừa kế của bà T3 phải liên đới nộp được thực hiện trong phạm vi di sản bà T3 để lại.

Nguyên đơn không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 9, Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP TANDTC ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP TANDTC ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân; các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T5 đối với ông Trần Văn H và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T3 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

2. Buộc ông Trần Văn H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị T3 gồm: Bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn H, anh Trần Thế H1, anh Trần Văn H2, chị Trần Thị Thu T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP T5 số tiền tạm tính đến ngày 20/9/2024 là 1.614.417.824 đồng gồm tiền gốc 1.380.000.000 đồng, lãi phạt gốc 220.497.493 đồng, lãi quá hạn 12.785.407 đồng, phạt chậm trả lãi 1.134.924 đồng. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị T3 không có di sản để trả nợ thì buộc ông Trần Văn H phải dùng toàn bộ tài sản đã thế chấp để thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả gốc, lãi cho Ngân hàng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật.

3. Trường hợp sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Văn H và những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà T3 không trả hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đối với tài sản đã thế chấp gồm: Nhà, công trình xây dựng và Quyền sử dụng thổ đất tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 5 xã H (nay là thị trấn C) diện tích 581m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trần Văn H. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản không đủ thanh toán nợ thì tiếp tục buộc ông H và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị T3 phải tiếp tục lấy di sản của bà Nguyễn Thị T3 và tài sản của ông Trần Văn H (nếu có) để thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Trần Văn H và những người thừa kế của bà T3 gồm: Bà Nguyễn Thị N, anh Trần Thế H1, anh Trần Văn H2, chị Trần Thị Thu T2 phải liên đới nộp 60.432.000 đ (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Chia phần:

- Ông Trần Văn H phải nộp 30.216.000đ.

- Bà Nguyễn Thị N, anh Trần Thế H1, anh Trần Văn H2, chị Trần Thị Thu T2 phải liên đới nộp 30.216.000đ. Nhưng do bà N, chị T2 được miễn án phí nên anh H1, anh H2 còn phải liên đới nộp 15.108.000đ. Số tiền nộp án phí anh H1, anh H2 thực hiện trong phạm vi di sản do bà T3 để lại. Trong trường hợp, bà T3 không để lại di sản thừa kế thì ông Trần Văn H phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 60.432.000 đ (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn).

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP T5 số tiền 28.275.000 đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0003192 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND thị trấn Cồn;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA